

# Xây dựng khung lý thuyết đánh giá chính sách Giáo dục vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam

Kiều Thị Kính<sup>\*1</sup>, Nguyễn Thu Hà<sup>2</sup>,  
Lê Anh Vinh<sup>3</sup>

\* Tác giả liên hệ

<sup>1</sup> Email: ktinh@ued.udn.vn  
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng  
459 Tôn Đức Thắng, Thành phố Đà Nẵng,  
Việt Nam

<sup>2</sup> Email: hant@vnies.edu.vn

<sup>3</sup> Email: vinhla@vnies.edu.vn  
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,  
Hà Nội, Việt Nam

**TÓM TẮT:** Để xây dựng khung cơ sở lý thuyết cho việc đề xuất khung đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam, nghiên cứu này tiến hành đánh giá nhanh các tài liệu tìm kiếm các nghiên cứu phù hợp cho việc so sánh, phân tích, tổng số có hơn hơn 96 nghiên cứu được tìm thấy. Sau khi loại bỏ các nghiên cứu không phù hợp, 8 nghiên cứu với 5 khung lý thuyết về đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững được sử dụng và phân tích. Trên cơ sở phân tích, so sánh và đánh giá các khung đánh giá chính sách phát triển bền vững, giáo dục vì sự phát triển bền vững, chính sách môi trường và phát triển bền vững trên thế giới, nhóm tác giả đề xuất khung lý thuyết về đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững làm định hướng cho các nghiên cứu lý thuyết về lĩnh vực này trong tương lai.

**TỪ KHÓA:** Khung lý thuyết, đánh giá, chính sách, giáo dục vì sự phát triển bền vững, Việt Nam.

→ Nhận bài 09/5/2024 → Nhận bài đã chỉnh sửa 11/6/2024 → Duyệt đăng 15/7/2024.

**DOI:** <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410701>

## 1. Đặt vấn đề

Tiếp nối thập kỷ giáo dục vì sự phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (2005 - 2014), Chương trình Hành động Toàn cầu (Global Action Programme - GAP) đã được ban hành nhằm thúc đẩy giáo dục vì sự phát triển bền vững trên toàn thế giới, trong đó xác định một trong những ưu tiên hàng đầu là *tăng cường vai trò của chính sách trong phát triển bền vững và phát triển bền vững trong chính sách giáo dục*. Điều này cũng đồng nghĩa với việc các quốc gia trên thế giới cần xem xét và tu duy lại các chính sách cũng như đánh giá việc thực hiện các chính sách về giáo dục vì sự phát triển bền vững trong thực tiễn. Việc thiết lập các chính sách và khuôn khổ của giáo dục vì sự phát triển bền vững không chỉ cung cấp một tuyên bố rộng rãi về mục đích mà còn đưa ra các khuyến nghị và hỗ trợ để thực hiện giáo dục vì sự phát triển bền vững, tạo ra không gian cho các bên liên quan hành động. Nghiên cứu chỉ ra rằng, có sự khác biệt trong cách tiếp cận ở các quốc gia và khu vực địa lý khác nhau để giải quyết các khía cạnh của giáo dục vì sự phát triển bền vững [1], [2].

Tại Việt Nam, Chính phủ đã xác định giáo dục vì sự phát triển bền vững là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện phát triển bền vững [3]. Tinh thần này đã được thống nhất trong nhiều chủ trương, chiến lược, kế hoạch của Đảng, Nhà nước và các bộ, ngành, địa phương trong hơn hai thập kỷ qua. Điều này phản ánh nhận thức ngày càng sâu sắc hơn về mối quan hệ tương tác chặt chẽ giữa ba trụ cột của Phát triển bền

vững là kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường cũng như vai trò của giáo dục trong việc đảm bảo các mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia. Nghiên cứu chính sách về giáo dục vì sự phát triển bền vững của Việt Nam hiện nay cho thấy, có sự tồn tại khoảng cách giữa chính sách và thực tiễn triển khai giáo dục vì sự phát triển bền vững ở nhà trường [4]. Bài báo làm sáng tỏ các khung lý thuyết đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững trên thế giới, từ đó xây dựng một khung đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam - khía cạnh vốn bị bỏ ngỏ trong nghiên cứu về chính sách giáo dục và giáo dục vì sự phát triển bền vững. Các câu hỏi nghiên cứu cụ thể như sau: 1) Có các khung lý thuyết nào được sử dụng cho đánh giá chính sách phát triển bền vững; giáo dục môi trường và giáo dục vì sự phát triển bền vững? 2) Sử dụng khung lý thuyết về đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững nào phù hợp với bối cảnh của Việt Nam?

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Một số khái niệm

#### 2.1.1. Phát triển bền vững

Phát triển bền vững được định nghĩa một cách đơn giản trong ấn phẩm “Chiến lược bảo tồn Thế giới” (hay còn gọi là bản Tuyên bố Brundtland) là “Sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai” [5]. Định nghĩa này dẫn

được công nhận trong cộng đồng quốc tế và trở thành mục tiêu và cách thức phát triển tất yếu của thế giới hiện đại. Hiện nay, vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau về định nghĩa khái niệm phát triển bền vững nhưng hầu hết các định nghĩa đều đảm bảo có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hoà giữa ba mặt của sự phát triển gồm: phát triển kinh tế (tăng trưởng kinh tế), phát triển xã hội (thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội) và bảo vệ môi trường (xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường, phòng chống cháy rừng và chặt phá rừng; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên) [6].

### 2.1.2. Giáo dục vì sự phát triển bền vững

Theo UNESCO, mục tiêu của giáo dục vì sự phát triển bền vững là chuẩn bị của mỗi cá nhân đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc trang bị cho họ các kiến thức và năng lực cần thiết để giúp họ không chỉ hiểu được phát triển bền vững là gì mà còn cam kết thúc đẩy sự thay đổi cần thiết [7, tr.8]. Giáo dục vì sự phát triển bền vững bao gồm 4 khía cạnh chính: 1) Nội dung học tập: Tích hợp các vấn đề có tính thời sự vào chương trình ví dụ như biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học, giảm thiểu rủi ro thiên tai, tiêu thụ và sản xuất bền vững; 2) Môi trường học tập và phương pháp sư phạm: Thiết kế hoạt động dạy và học theo quan điểm tích cực, lấy người học làm trung tâm, thúc đẩy việc học có tính khám phá, định hướng hành động và biến đổi. Môi trường học tập bao gồm cả môi trường thực (có tính vật lý), môi trường ảo và môi trường học tập online, nhằm khơi gợi cảm hứng hành động vì sự phát triển bền vững của người học; 3) Đầu ra học tập: Thúc đẩy học tập và phát triển các năng lực cốt lõi. Ví dụ, tư duy phản biện và hệ thống, hợp tác ra quyết định, chịu trách nhiệm; 4) Biến đổi xã hội: Trao quyền cho người học ở bất kỳ độ tuổi nào, nền giáo dục nào nhằm biến đổi bản thân họ và xã hội; Thúc đẩy biến đổi xã hội và nền kinh tế xanh hơn. Trang bị cho người học những kỹ năng về “nghề nghiệp xanh”; Thúc đẩy người học thực hiện lối sống bền vững và trao quyền cho người học trở thành công dân toàn cầu, tham gia và cam kết với vai trò tích cực ở cả cấp độ địa phương và toàn cầu, đối mặt và giải quyết các thách thức toàn cầu để trở thành những người đóng góp tích cực, tạo ra một thế giới công bằng, hòa bình, cảm thông, toàn diện, an toàn và bền vững hơn [7], [8].

### 2.1.3. Chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững

Thuật ngữ Chính sách (Policy) được sử dụng rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng như trong cuộc sống hằng ngày, song cho đến nay khái niệm chính sách vẫn chưa được hiểu nhất quán trong lý luận và thực tiễn. Easton (1953) nhấn mạnh vào tính hành

động của chính sách. Theo đó: “Chính sách bao gồm một mạng lưới các quyết định và hành động phân bổ giá trị. Hiểu một cách đơn giản, chính sách là chương trình hành động do các nhà lãnh đạo hay quản lý đề ra để giải quyết một vấn đề nào đó trong phạm vi thẩm quyền của các giá trị và ưu tiên cung cấp thông tin cho việc ra quyết định” [9], [10]. Jenkins (1978) coi chính sách là: “Một tập hợp các quyết định liên quan với nhau... liên quan đến việc lựa chọn các mục tiêu và phương tiện để đạt được chúng trong một tình huống cụ thể” [11]. Cùng với quan điểm của các nhà nghiên cứu khác, Anderson (1994) cho rằng: “Chính sách là một chuỗi (tập hợp) những hành động có mục đích nhằm giải quyết một vấn đề [12]. Khái niệm chính sách cũng được đưa ra trong các nghiên cứu của Vũ Cao Đàm (2011) [13], Nguyễn Minh Thuyết (2015) [14] cũng như trong các văn bản pháp luật (Khoản 1, Điều 2, Nghị định 34/2016/NĐ-CP) [15]. Theo đó, chính sách được hiểu là các biện pháp cùng các giải pháp cụ thể được thể chế hoá nhằm thực hiện một mục tiêu nào đó trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội [13], [14].

Như vậy, chính sách là tập hợp các biện pháp có giá trị pháp lý nhằm giải quyết các vấn đề trong thực tiễn theo những mục tiêu nhất định. Chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững được định nghĩa là các quyết định và khuyến nghị chính sách giáo dục ràng buộc các bên liên quan trong ngành Giáo dục tương ứng nhằm thực hiện giáo dục vì sự phát triển bền vững và phát triển bền vững ở tất cả các cấp của ngành Giáo dục [16].

### 2.1.4. Đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững

Quy trình chính sách bao gồm: hoạch định, thực thi và đánh giá [17]. Như vậy, đánh giá là một trong ba thành tố quan trọng của của quy trình chính sách. Đánh giá chính sách được hiểu là việc áp dụng các nguyên tắc và phương pháp đánh giá để kiểm tra nội dung, việc thực hiện hoặc tác động của chính sách. Theo Sổ tay hướng dẫn đánh giá chính sách giáo dục của UNESCO (2013): “Đánh giá chính sách là sự đánh giá về kết quả, tác động và tính bền vững của chính sách nhằm rút ra bài học và áp dụng vào các chương trình sau này” [18]. Đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững được định nghĩa là việc đánh giá kết quả, tác động và tính bền vững của chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững. Hiểu được bối cảnh này sẽ giúp chúng ta hiểu hơn lý do tại sao việc đánh giá chính sách lại quan trọng đối với việc thúc đẩy chính sách. Mỗi loại chính sách được lựa chọn phụ thuộc vào nhiều yếu tố và thường cần nhiều hơn một loại đánh giá. Mỗi loại đánh giá có thể cung cấp thông tin có giá trị cho việc lập kế hoạch và diễn giải các loại đánh giá khác nhau (nội dung, cách thực hiện và tác động) bên cạnh việc phát hiện những hậu quả không chủ ý [19]. Trong một số tài liệu, ba

thuật ngữ “Nghiên cứu chính sách”, “Phân tích chính sách” và “Đánh giá chính sách” được sử dụng cũng nói về một phạm trù và được hiểu tương đương nhau [20].

**2.2. Phương pháp nghiên cứu**

*Đánh giá nhanh (Rapid review):* Chúng tôi đã tiến hành tìm kiếm tài liệu trên phạm vi rộng về các đánh giá nhanh về chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững làm cơ sở cho việc lựa chọn ba nghiên cứu trường hợp điển hình. Tiêu chí lựa chọn được phát triển bao gồm các nghiên cứu được công bố đến tháng 4 năm 2024 về các vấn đề đánh giá chính sách phát triển bền vững, chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững, chính sách giáo dục môi trường và phát triển bền vững. Nghiên cứu được viết bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt.

Chúng tôi đã tìm kiếm 6 cơ sở dữ liệu thư mục điện tử ERIC, Australian Education Index, ASSIA, British Education Index, Education Abstracts và Web of Science (danh mục các nghiên cứu được lựa chọn). Nhiều thuật ngữ tìm kiếm thay thế cho đánh giá nhanh đã được kết hợp với các thuật ngữ liên quan đến “Đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững”. Việc tìm kiếm được thực hiện bởi tiếng Anh, với các kí tự đại diện và cách cắt ngắn được sử dụng. Chúng tôi đã thực hiện tìm kiếm như sau: (‘rapid review\*’ OR ‘scoping review\*’ OR ‘rapid evidence assessment\*’ OR ‘restricted review\*’ OR ‘preliminary review\*’ OR ‘mapping review\*’ OR ‘rapid synthesis’ OR ‘rapid evidence synthesis’) AND (‘education sustainable development\*’ OR ‘policy analysis OR ‘policy review\*’). Bộ lọc ngày xuất bản đã được áp dụng. Để xác định các tài liệu toàn văn và các nghiên cứu liên quan khác có thể bỏ sót, khi tìm kiếm cơ sở dữ liệu,

chúng tôi kiểm tra thủ công danh sách tham khảo của các nghiên cứu được đưa vào và sử dụng công cụ tìm kiếm Google (100 lần truy cập đầu tiên) [21].

Tổng số có 3970 nghiên cứu được tìm kiếm và 15 nghiên cứu được tìm thấy thông qua việc tìm kiếm thủ công. Sau khi loại bỏ các mục trùng lặp, 96 nghiên cứu đã được sàng lọc bằng các tiêu chí lựa chọn thông qua việc đọc các tiêu đề và tóm tắt của mỗi trích dẫn để xác định mức độ liên quan. Kết quả cuối cùng là 08 nghiên cứu đã được xem xét toàn văn, phù hợp với nội dung nghiên cứu. Tất cả các tài liệu đều được xuất bản bằng tiếng Anh. Danh sách 08 bài báo/nghiên cứu được lựa chọn thể hiện trong Bảng 1. Quy trình các bước trong phương pháp đánh giá nhanh được thể hiện trong Hình 1.

**2.3. Kết quả và thảo luận**

Kết quả tìm kiếm ghi nhận có 02 khung đánh giá chính sách phát triển bền vững, 02 khung đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững và 01 khung đánh giá chính sách giáo dục môi trường và phát triển bền vững được lựa chọn để phân tích trong nghiên cứu này. Đây là nền tảng để nhóm tác giả tham khảo và cân nhắc lựa chọn xây dựng khung lí thuyết về đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững trong bối cảnh ở Việt Nam.

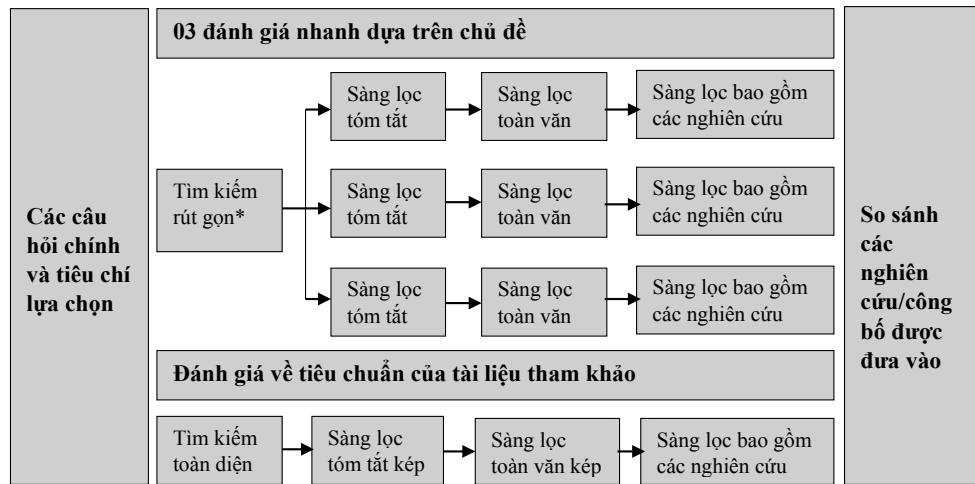
**2.3.1. Các khung đánh giá chính sách phát triển bền vững**

*a. Khung tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững trong chính sách*

Tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững có nghĩa là liên kết các vấn đề, mục tiêu và biện pháp từ các lĩnh vực khác nhau vào một khung chính sách mạch lạc theo định hướng phát triển bền vững [22], [23]. Cejudo và

**Bảng 1: Thông tin các nghiên cứu được phân tích**

STT	Tên tác giả	Nghiên cứu	Năm
1	Breuer et. al	Integrated policymaking: Choosing an institutional design for implementing the Sustainable Development Goals (SDGs)	2019
2	ESDN	Horizontal Policy Integration and Sustainable Development: Conceptual Remarks and Governance Examples. ESDN Quarterly Report. ESDN.,” 2009.	2009
3	J. Birner, B. Bornemann, and F. Biermann	Policy integration through the Sustainable Development Goals? The case of the German Federal Government	2024
4	K. Aikens and M. McKenzie	A comparative analysis of environment and sustainability in policy across subnational education systems	2021
5	H. Runhaar, C. Dieperink, and P. Driessen	Policy analysis for sustainable development: The toolbox for the environmental social scientist	2006
6	UNESCO Bangkok	UNESCO Handbook on Education Policy Analysis and Programming	2013
7	UNESCO	Shaping the Future We Want UN Decade of Education for Sustainable Development. 2005-2014 Final Report. Paris: UNESCO, 2014.	2014
8	Vo Thanh Son	Integrating Sustainable Development into National Policy: The Practice of Vietnam	2022



Hình 1: Quy trình các bước nghiên cứu trong phương pháp đánh giá nhanh

Cynthia (2015) cũng cho rằng, tích hợp chính sách là một quá trình ra quyết định mang tính chiến lược và hành chính để đạt được mục tiêu, không chỉ bao gồm các giai đoạn thiết kế và thực hiện mà còn đòi hỏi các hành động tổng hợp của chính phủ [24]. Theo khung đánh giá việc tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững trong chính sách này gồm khái niệm tích hợp theo chiều ngang và chiều dọc [25], [26] (xem Hình 2).

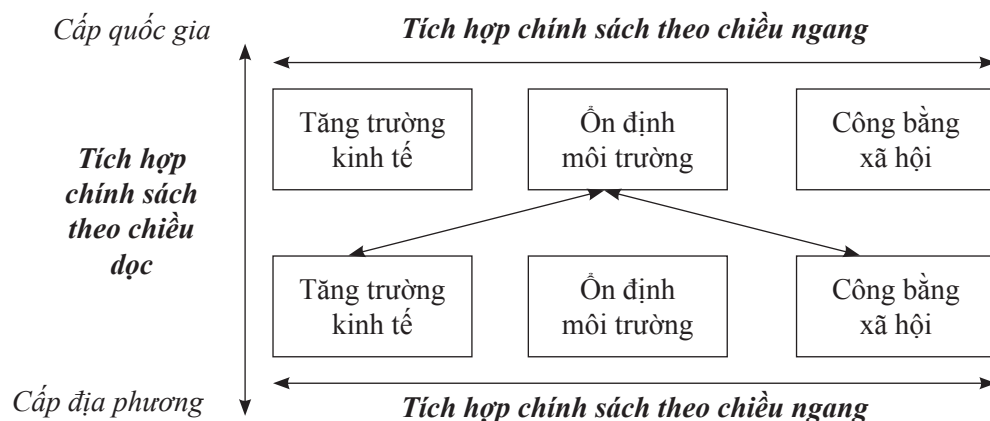
Tích hợp theo chiều ngang liên quan đến việc liên kết các lĩnh vực khác nhau, được thể chế hóa, chẳng hạn như cơ quan hành chính hoặc Bộ [8]. Trong bối cảnh phát triển bền vững, tích hợp theo chiều ngang ngụ ý cần thiết phải giải quyết sự phụ thuộc lẫn nhau có tính hệ thống giữa các lĩnh vực có vấn đề về xã hội, kinh tế và môi trường bằng cách khắc phục lối suy nghĩ và hành động “tách biệt” thông qua tăng cường hợp tác giữa các cơ quan hành chính [27], [28]. Tích hợp theo chiều dọc đề cập đến các cấp chính quyền khác nhau, từ địa phương đến toàn cầu [29], [30], [31], [32]. Bản chất lồng ghép của các vấn đề phát triển bền vững bao hàm sự phối hợp đặc biệt chặt chẽ giữa các hoạt động

chính sách giữa các cấp chính quyền khác nhau, chẳng hạn như các thành phố, tỉnh, chính quyền quốc gia và các tổ chức quốc tế [27], [32]. Tích hợp theo ngành đề cập đến mối liên kết giữa các chính phủ với các thành phần kinh tế và xã hội khác nhau bên ngoài chính phủ [22], [33], [34].

Trên thực tế, khái niệm tích hợp chính sách đã được áp dụng cho nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong khi nghiên cứu sự tích hợp theo chiều dọc và chiều ngang của việc giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu [35]. Lồng ghép phát triển bền vững không chỉ được áp dụng cho các chính sách của ngành mà còn cho các lĩnh vực xã hội như giáo dục đại học. Nghiên cứu [36] đã chỉ ra rằng, việc xây dựng và tích hợp chính sách theo chiều dọc ở cấp quốc tế, quốc gia và thể chế có vai trò quan trọng để hỗ trợ hiệu quả thực hiện phát triển bền vững trong hệ thống giáo dục.

*b. Khung đánh giá chính sách phát triển bền vững*

Runhaar và cộng sự (2006) trong nghiên cứu về việc phân tích chính sách phát triển bền vững đã đưa ra 5 chủ đề liên quan đến việc phân tích/đánh giá chính sách



Hình 2: Tích hợp các chính sách theo chiều ngang và chiều dọc [25]



phát triển bền vững, bao gồm: 1) Nội dung chính sách; 2) Quy trình chính sách; 3) Thực thi chính sách; 4) Tác động chính sách; 5) Bối cảnh chính sách [37]. Các câu hỏi nghiên cứu gắn với từng chủ đề, cụ thể như sau:

1) *Nội dung chính sách*: Mục tiêu chính sách là gì? Các chính sách được thể hiện riêng lẻ hay tích hợp? Những vấn đề nào làm nền tảng để thực hiện các mục tiêu chính sách? Ví dụ, tại sao hiện tượng nóng lên toàn cầu lại là vấn đề cần quan tâm? Giả định nào làm cơ sở cho chính sách có giá trị?

2) *Quy trình chính sách*: Ảnh hưởng của các tổ chức phi chính phủ đối với việc thiết lập Chương trình Nghị sự là gì? Các quy trình chính sách đã phát triển như thế nào theo thời gian?

3) *Thực thi chính sách*: Những lĩnh vực chính sách nào liên quan đến phát triển bền vững? Việc thực hiện các chỉ thị về môi trường của Liên minh Châu Âu được tổ chức ở các quốc gia thành viên khác nhau như thế nào?

4) *Hiệu quả/Tác động chính sách*: Chính sách đó có giúp thực hiện được các mục tiêu của nó không? Có bất kỳ tác động phụ (nghiêm trọng) nào không? Các bên liên quan có đánh giá tác động chính sách tương tự nhau hay không? Điều gì giải thích sự thành công hay thất bại của chính sách đang được nghiên cứu?

5) *Bối cảnh chính sách*: Nội dung chính sách bị ảnh hưởng như thế nào bởi sự phát triển chính trị, kinh tế và văn hoá?

Để trả lời các câu hỏi được liệt kê ở trên, 5 phương pháp đánh giá chính sách cũng được Runhaar và cộng sự (2006) đưa ra, đó là: 1) Tái thuyết lí thuyết chính sách; 2) Phân tích các bên liên quan; 3) Đánh giá tác động chính sách; 4) Phân tích chi phí - lợi ích; 5) Phân tích diễn ngôn [37].

**2.3.2. Các khung phân tích chính sách giáo dục môi trường và phát triển bền vững**

Việc tăng cường các nghiên cứu về chính sách giáo

dục môi trường và phát triển bền vững (ESE) được khuyến khích trong bối cảnh thế giới còn thiếu các nghiên cứu về chính sách và thực tiễn chính sách [38]. Aikens và cộng sự (2021) trong nghiên cứu đánh giá chính sách ESE ở Canada đã tìm hiểu về cách chính sách giáo dục môi trường và phát triển bền vững được phát triển và huy động trên các bối cảnh địa phương trong hệ thống liên bang Canada. Nghiên cứu đã xác định được khung lí thuyết để phân tích/đánh giá chính sách ESE ở Canada như sau (xem Bảng 2).

Ba cụm chính sách được Aikens (2021) phân tích bao gồm: 1) Định hướng liên kết với phát triển bền vững; 2) Hành động phát triển bền vững; 3) Phương pháp sư phạm. Trong đó, định hướng phát triển bền vững hoặc cách thức tính bền vững được khái niệm hóa trong các tài liệu. Ví dụ, bằng chứng về định hướng lấy con người làm trung tâm hoặc lấy sinh học làm trung tâm; Hành động bền vững hoặc cách hiểu tính bền vững đạt được/ tham gia trong một bối cảnh cụ thể. Ví dụ, thông qua các lựa chọn cá nhân hoặc hành động tập thể; Phương pháp sư phạm bền vững, hoặc phương pháp dạy và học bền vững được chỉ ra trong các chính sách. Ví dụ, từ truyền thông tin đến phương pháp sư phạm có sự tham gia và định hướng hành động.

**2.3.3. Các khung đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững**

a. *Câu hỏi định hướng đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững*

Trong Sổ tay Hướng dẫn đánh giá chính sách giáo dục của UNESCO (2013), đã chỉ ra các câu hỏi có liên quan đến việc đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững [18]. Các câu hỏi này liên quan đến 3 khía cạnh và 5 tiêu chí, bao gồm: 1) Sự phù hợp; 2) Tính hiệu quả; 3) Tính hiệu suất; 4) Tác động; 5) Tính bền vững. Các câu hỏi hướng dẫn liên quan đến 3 khía cạnh chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững như sau (xem Bảng 3).

**Bảng 2: Khung phân tích chính sách giáo dục môi trường và phát triển bền vững ở Canada [38]**

Chính sách	1. Định hướng để phát triển bền vững	2. Hành động phát triển bền vững	3. Phương pháp sư phạm
Giáo dục vì sự phát triển bền vững	Các trụ cột: Kinh tế, xã hội, môi trường Định nghĩa Brundtland lấy con người làm trung tâm, sức khỏe và công bằng.	Phát triển các năng lực để thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững (tài sử dụng, tái chế, giảm thiểu, tiêu dùng bền vững,...); Sự thay đổi đa dạng ở mọi cấp độ.	Tích hợp liên ngành. Điều tra.
Giáo dục môi trường	Định nghĩa Brundtland lấy con người làm trung tâm theo quan điểm văn hóa.	Sự tham gia của học sinh trong quyết định Thay đổi ở cấp độ cá nhân.	Tích hợp giáo dục trải nghiệm; Giáo dục công dân.
Giáo dục địa phương	Sinh học. Đặc thù riêng của địa phương và các giá trị tinh thần. Điều chỉnh các giá trị văn hóa.	Sự tham gia của gia đình và cộng đồng.	Giáo dục cho người lớn, bao gồm các phương pháp kể chuyện, các kĩ năng, thái độ và giá trị về đất đai.

**Bảng 3: Các khía cạnh đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững [18]**

Các khía cạnh	Các câu hỏi định hướng
Tích hợp các quan điểm giáo dục vì sự phát triển bền vững	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã có chính sách hoặc kế hoạch hành động nào về giáo dục vì sự phát triển bền vững hay chưa? Các ưu tiên là gì? Cho đến nay, chính sách/kế hoạch hành động đã được triển khai chưa? Bài học kinh nghiệm, vấn đề, khoảng cách và nhu cầu được xác định là gì?</li> <li>- Cam kết giáo dục vì sự phát triển bền vững ở cấp độ chính sách có được phản ánh trong kế hoạch ngân sách và giáo dục quốc gia hay không? Nếu không thì vì sao?</li> <li>- Có hệ thống quản lí và trách nhiệm giải trình nào được áp dụng để đảm bảo chính sách/kế hoạch hành động giáo dục vì sự phát triển bền vững được thực hiện không? giáo dục vì sự phát triển bền vững có được tích hợp vào chương trình giảng dạy ở nhà trường cũng như chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên không?</li> <li>- Các nguyên tắc và các công cụ để giải quyết vấn đề phát triển bền vững (như tư duy phản biện và kĩ năng giải quyết vấn đề) được tích hợp như thế nào trong nội dung học tập và đánh giá? Giáo dục có làm thay đổi tích cực về giá trị và hành vi không?</li> <li>- Thực hiện chương trình giảng dạy có tích hợp về giáo dục vì sự phát triển bền vững có tạo điều kiện cho đối thoại trong lớp học (hoặc trong các môi trường học tập khác hay không)? Giáo viên có khuyến khích việc áp dụng như một phần của quá trình học tập (tư duy phản biện và học tập dựa trên dự án) hay không?</li> </ul>
Giảm thiểu rủi ro thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu được tích hợp vào giáo dục ở mức độ nào? Các chính sách và kế hoạch, bao gồm kế hoạch dự phòng khi thảm họa xảy ra và kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất trường học an toàn và bền vững có được bao hàm hay không?</li> <li>- Những gì đã được thực hiện để đưa nội dung giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào các cấp học và loại hình giáo dục khác nhau ở các vùng khác nhau của đất nước? Những bài học rút ra là gì?</li> </ul>
Liên kết cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục vì sự phát triển bền vững có được liên kết với các giải pháp cho các vấn đề của cộng đồng không? Giáo dục vì sự phát triển bền vững có tác động tích cực đến khả năng giải quyết vấn đề của cộng đồng, triển khai hệ thống cảnh báo sớm và tăng cường khả năng chống chịu trước biến đổi khí hậu và thiên tai ở địa phương không?</li> <li>- Những hoạt động nào trong cộng đồng địa phương nhằm giải quyết các vấn đề môi trường có thể được đưa vào chương trình giảng dạy và học tập?</li> <li>- Các chính sách/chiến lược giáo dục vì sự phát triển bền vững có được cân nhắc và tận dụng kiến thức, thực tiễn và năng lực để phát triển bền vững trong cộng đồng địa phương không?</li> <li>- Thông tin về giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu được đưa vào chương trình giảng dạy chính quy, các hoạt động ngoại khóa, giáo dục không chính quy và hoạt động học tập không chính quy trong cộng đồng như thế nào?</li> </ul>

**Bảng 4: Các lĩnh vực ưu tiên giáo dục vì sự phát triển bền vững trong chính sách**

Các lĩnh vực ưu tiên	Mô tả
1. Thúc đẩy chính sách	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có chính sách quốc gia về giáo dục vì sự phát triển bền vững.</li> <li>- Giáo dục vì sự phát triển bền vững được phản ánh trong chính sách quốc gia về môi trường, phát triển bền vững và SDGs.</li> <li>- Giáo dục vì sự phát triển bền vững được phản ánh trong tiêu chí đảm bảo chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục.</li> </ul>
2. Chuyển đổi môi trường học tập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục vì sự phát triển bền vững được phản ánh trong khung chương trình giảng dạy quốc gia.</li> <li>- Phương pháp tiếp cận tổng thể trường học đối với giáo dục vì sự phát triển bền vững được triển khai tại các cơ sở giáo dục, bao gồm các trường liên kết với UNESCO.</li> <li>- Cơ sở vật chất và hoạt động trong các cơ sở giáo dục thể hiện các nguyên tắc phát triển bền vững.</li> </ul>
3. Bồi dưỡng năng lực nhà giáo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục vì sự phát triển bền vững trong đào tạo và bồi dưỡng giáo viên.</li> <li>- Chương trình nâng cao năng lực về xanh hoá giáo dục và đào tạo được cung cấp (TVET).</li> <li>- Có cơ hội học tập bình đẳng về giáo dục vì sự phát triển bền vững và công nhận các thực tiễn giáo dục vì sự phát triển bền vững tốt. Đánh giá giáo viên bằng cách ghi nhận năng lực giáo dục vì sự phát triển bền vững của họ.</li> </ul>
4. Trao quyền và huy động thế hệ trẻ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thanh niên có quyền tiếp cận các nền tảng để kết nối, trao quyền cho nhau và tham gia vào quá trình chuyển đổi xã hội theo hướng bền vững.</li> <li>- Vị trí dành cho đại diện thanh niên được đảm bảo trong các cơ quan ra quyết định của các tổ chức về giáo dục vì sự phát triển bền vững.</li> <li>- Các nhóm, tổ chức và mạng lưới thanh niên tham gia vào giáo dục vì sự phát triển bền vững.</li> </ul>
5. Thúc đẩy những chương trình hành động cấp địa phương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các địa phương ban hành các chính sách về giáo dục vì sự phát triển bền vững đặc biệt là liên quan đến các chính sách học tập suốt đời.</li> <li>- Nhà nước có chính sách hỗ trợ, khuyến khích giáo dục vì sự phát triển bền vững ở phạm vi quốc gia và địa phương.</li> <li>- Tăng cường năng lực cho những người ra quyết định và những người đưa ra ý kiến cũng như cho công chúng về phát triển bền vững đang tồn tại.</li> </ul>

*b. Đánh giá 5 lĩnh vực ưu tiên giáo dục vì sự phát triển bền vững trong chính sách*

Giáo dục vì sự phát triển bền vững cho năm 2030 đã được xây dựng dựa trên Chương trình Hành động toàn cầu của giáo dục vì sự phát triển bền vững nhằm định hướng lại và tăng cường giáo dục cũng như học cách đóng góp vào mọi hoạt động thúc đẩy sự phát triển bền vững, đặc biệt là tập trung mạnh mẽ hơn vào sự đóng góp trọng tâm của giáo dục vào việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs). Giáo dục vì sự phát triển bền vững cho năm 2030 đóng góp trực tiếp cho SDG4 về chất lượng giáo dục, đặc biệt là Mục tiêu 4.7, cũng như tất cả các SDG khác, nhằm cung cấp nền giáo dục phù hợp đặt trách nhiệm cho tương lai làm trung tâm với 5 lĩnh vực ưu tiên (xem Bảng 4) [39].

**2.3.4. Nhận xét chung về các khung đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững**

Nhìn chung, các khung phân tích/đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững, phát triển bền vững, giáo dục môi trường và phát triển bền vững đã cung cấp các phương pháp tiếp cận có cấu trúc để xem xét các chính sách liên quan đến giáo dục vì sự phát triển bền vững. Từ các khung lý thuyết về đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững được phân tích ở trên cho thấy 5 thành phần chính trong các khung đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững, cụ thể như sau:

- Phân tích/đánh giá bối cảnh chính sách. Hiểu bối cảnh chính trị, xã hội, kinh tế và môi trường rộng hơn, trong đó có các chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững được xây dựng và thực hiện. Điều này bao gồm các yếu tố như ưu tiên quốc gia, cam kết quốc tế và văn hóa.

- Phân tích/đánh giá các bên liên quan: Xác định và phân tích các bên liên quan khác nhau tham gia vào việc phát triển và thực hiện các chính sách giáo dục liên quan đến phát triển bền vững. Điều này bao gồm các cơ quan Chính phủ, tổ chức giáo dục, tổ chức phi Chính phủ, cộng đồng, doanh nghiệp và tổ chức quốc tế.

- Phân tích/đánh giá mục đích và mục tiêu chính sách: Làm rõ mục đích và mục tiêu cụ thể của chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững. Điều này có thể liên quan đến việc điều chỉnh phù hợp với các khuôn khổ quốc tế như các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) hoặc các chương trình nghị sự về phát triển bền vững khu vực khác.

- Phân tích/đánh giá nội dung chính sách: Kiểm tra nội dung của tài liệu chính sách, bao gồm tầm nhìn, nguyên tắc, chiến lược, mục tiêu và cơ chế thực hiện. Điều này liên quan đến việc đánh giá xem xét chính sách giải quyết các vấn đề chính liên quan đến giáo dục vì sự phát triển bền vững tới đến mức nào.

- Phân tích/đánh giá thực hiện chính sách: Đánh giá việc thực hiện chính sách trên thực tế, bao gồm việc phân bổ nguồn lực, sự tham gia của các bên liên quan, cơ chế giám sát và đánh giá cũng như việc đạt được các kết quả mong muốn.

- Đánh giá tác động chính sách: Đánh giá tác động rộng hơn của chính sách đối với kết quả giáo dục, tính bền vững của môi trường, công bằng xã hội, phát triển kinh tế và các khía cạnh liên quan.

**2.3.5. Đề xuất khung lý thuyết đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam**

Chương trình nghị sự 21 và sau đó là Chương trình Nghị sự 2030 được coi là cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong thực hiện phát triển bền vững. Chương trình Nghị sự 21 nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục trong việc đạt được phát triển bền vững và coi con người là trung tâm của sự phát triển. Trong đó, một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của phát triển bền vững ở Việt Nam chính là phát triển chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao nhận thức về phát triển bền vững ở tất cả mọi người dân [40]. Các yếu tố của phát triển bền vững đã được thể hiện trong một số chính sách của Bộ Giáo dục và Đào tạo như Kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển bền vững trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 [41] dựa trên quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững [42]. Cụ thể, mục tiêu 2.6 (Mục tiêu số 4.7 của mục tiêu phát triển bền vững số 4 thuộc nghị sự) nhấn mạnh tất cả người học đều có được những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thúc đẩy phát triển bền vững và giáo dục vì sự phát triển bền vững cũng được hiểu là một phương tiện quan trọng để đạt được tất cả 16 mục tiêu phát triển bền vững còn lại [40].

Nhìn chung, Việt Nam đã thể hiện cam kết về mặt chính trị đối với phát triển bền vững nói chung và giáo dục vì sự phát triển bền vững nói riêng [43]. Tầm quan trọng của các chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững tại Việt Nam ngày càng được củng cố và theo xu hướng toàn cầu. Trong một số ít ỏi các nghiên cứu về chính sách sự phát triển bền vững và giáo dục vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam, nhóm tác giả Nguyễn Thị Hồng Vân cùng cộng sự (2020) mới chỉ dừng lại ở việc điểm lại thực trạng các chính sách quốc gia về phát triển bền vững và giáo dục vì sự phát triển bền vững ở cấp độ Giáo dục mầm non và Giáo dục phổ thông trên ba lĩnh vực: Kinh tế, Văn hoá, Xã hội và môi trường [4]. Trên quan điểm đó, nhóm tác giả rút ra một số tồn tại, hạn chế của chính sách quốc gia liên quan đến phát triển bền vững, giáo dục vì sự phát triển bền vững và

khuyến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạch định và thực hiện chính sách giáo dục nhằm phát triển bền vững ở Giáo dục mầm non và Giáo dục phổ thông ở Việt Nam. Nghiên cứu của Son (2022) đã xem xét lại quá trình phát triển bền vững ở Việt Nam dưới góc độ sắp xếp thể chế và các chính sách có liên quan bằng cách xem xét việc tích hợp các khía cạnh phát triển bền vững ở Việt Nam. Tác giả cũng chỉ ra những thách thức, khó khăn mà Việt Nam hiện đang phải đối mặt như sau: Thiếu các hướng dẫn kỹ thuật để lồng ghép phát triển bền vững vào việc phát triển chính sách ở Việt Nam; Thiếu nguồn lực để lồng ghép đầy đủ phát triển bền vững vào các chính sách phát triển dù chính phủ đã nỗ lực huy động mọi nguồn lực có thể xây dựng các chính sách phát triển có tính đến các thành phần và khía cạnh của phát triển bền vững như nguồn nhân lực, hỗ trợ kỹ thuật, nguồn tài chính và cơ sở hạ tầng nhưng các nguồn lực này chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tế [43].

Thúc đẩy chính sách là một trong năm lĩnh vực ưu tiên của Chương trình Hành động toàn cầu (Global Action Program) được đưa ra bởi Liên Hợp Quốc [39]. Giáo dục vì sự phát triển bền vững được ủng hộ toàn cầu và là phương tiện đạt mục tiêu phát triển bền vững nhưng vẫn gặp khó khăn do thiếu sự điều chỉnh theo bối cảnh cụ thể, bỏ qua thách thức văn hóa, xã hội, chính trị, sinh thái và kinh tế đặc thù của từng địa phương [1]. Trong bối cảnh còn thiếu các nghiên cứu thực nghiệm về mối quan hệ giữa chính sách với thực tiễn giáo dục vì sự phát triển bền vững, việc thực hiện đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam cần kết hợp giữa đánh giá nội dung, thực thi chính sách và đánh giá tác động chính sách [44]. Điều này phù hợp với quy trình chính sách và các loại đánh giá chính sách trong nghiên cứu về “Overview of Policy Evaluation” của [19]. Như vậy, Khung lý thuyết đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam bao gồm 4 thành phần (xem Hình 5).

Những câu hỏi định hướng có thể được phát triển và áp dụng trong đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát

triển bền vững tại Việt Nam, cụ thể như sau:

1/ Đánh giá nội dung chính sách: Nội dung chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam có trình bày rõ ràng các mục tiêu chính sách, việc thực hiện và logic cơ bản giải thích tại sao chính sách sẽ tạo sự thay đổi dự kiến hay không?

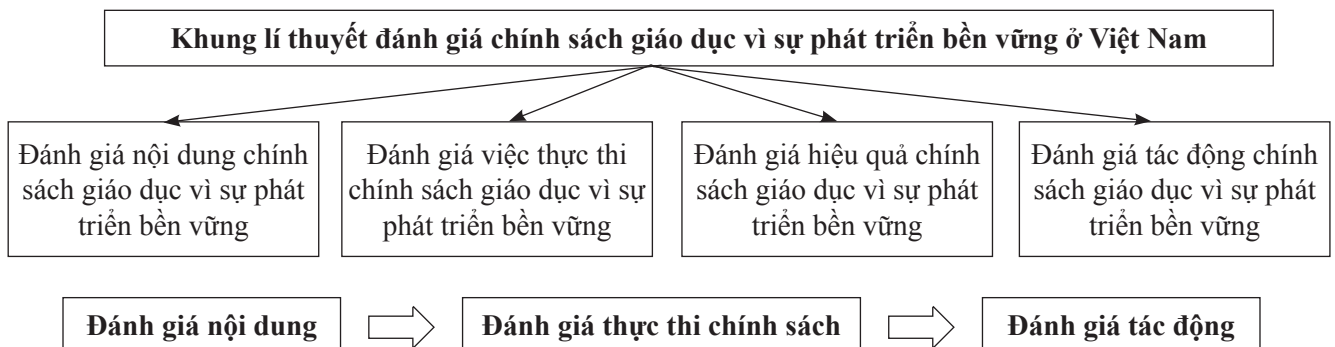
2/ Đánh giá việc thực thi chính sách: Chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững có được thực hiện như dự định không? Các chính sách đã được triển khai như thế nào trong thực tiễn địa phương và nhà trường. Các thuận lợi và khó khăn khi thực hiện chính sách. Các yếu tố thúc đẩy và rào cản đối với việc thực hiện giáo dục vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam.

3/ Đánh giá hiệu quả chính sách: Chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững có đạt được mục tiêu ban đầu hay không? Hiệu quả của chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam là gì?

4/ Đánh giá tác động của các chính sách: Chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững có tạo ra kết quả và tác động như mong đợi không?

### 3. Kết luận

Thúc đẩy chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững được coi là một trong năm ưu tiên của các nước nhằm thực hiện Chương trình Hành động toàn cầu. Để nâng cao hiệu quả và mức độ phù hợp của chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững, cần xác định khung lý thuyết thực hiện đánh giá chính sách, từ đó rút ra các kết luận định hướng và khuyến nghị chính sách giúp giải quyết các thách thức hiện tại và tương lai. Khung lý thuyết này phải bao gồm các tiêu chí rõ ràng và có tính ứng dụng cao, cho phép đo lường hiệu quả của chính sách một cách chính xác và toàn diện. Các thành phần của đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững thường được tích hợp vào một khung toàn diện để phân tích và đánh giá, có thể điều chỉnh theo bối cảnh và mục tiêu cụ thể của từng quốc gia. Việc điều chỉnh này rất quan trọng vì mỗi quốc gia có những đặc thù về văn hóa, xã hội, kinh tế và môi trường riêng. Do đó, nghiên cứu sâu hơn là cần thiết để xác định các tiêu chí



Hình 5: Khung lý thuyết đánh giá chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam



cụ thể của khung đánh giá phù hợp với bối cảnh Việt Nam, nhằm đảm bảo chính sách giáo dục vì sự phát triển bền vững thực sự hiệu quả và phù hợp.

**Lời cảm ơn:** Nguyễn Thu Hà được tài trợ bởi

Chương trình học bổng đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ trong nước của Quỹ Đổi mới sáng tạo Vingroup (VINIF), mã số VINIF. 2023.TS.028. Kiều Thị Kính được tài trợ bởi Quỹ Sumitomo (Small Grant) năm 2023 để thực hiện nghiên cứu này.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] O. O. Manteaw, (2012), *Education for sustainable development in Africa: The search for pedagogical logic*, *Int. J. Educ. Dev.*, vol. 32, no. 3, pp. 376–383, doi: 10.1016/j.ijedudev.2011.08.005.
- [2] A. E. J. Jickling, B., Wals, (2012), *Debating education for sustainable development 20 Years after rio: a conversation between bob jickling and arjen*, *Wals. J. Econ. Sustain. Dev.* 6, 49–57. <https://doi.org/10.1177/097340821100600111>.
- [3] Socialist Republic of Viet Nam, (2012), *Implementation of Sustainable Development in Viet Nam: National Report at the UN Conference on Sustainable Development (Rio+ 20)*, Hanoi.
- [4] N. T. H. Van and N. L. Van Dung, (2020), *National policy on education for sustainable development in Vietnam preschool and general education - Reality and solution*, no. 01, pp. 15–20.
- [5] WCED, (1987), *Our Common Future: A Report from the United Nations World Commission on Environment and Development*.
- [6] S. Sterling, (2010), *Learning for resilience, or the resilient learner? towards a necessary reconciliation in a paradigm of sustainable education*, *Environ. Educ. Res.*, vol. 16, no. 5–6, pp. 511–528, doi: 10.1080/13504622.2010.505427.
- [7] UNESCO, (2017), *Education for sustainable development goal-learning goal*.
- [8] G. de Haan, (2006), *The BLK '21' programme in Germany: a 'Gestaltungskompetenz'-based model for Education for Sustainable Development*, *Environ. Educ. Res.*, vol. 12, no. 1, pp. 19–32, doi: 10.1080/13504620500526362.
- [9] D. Easton, (1953), *The Political System*, New York: Knopf.
- [10] D. Easton, (1965), *A Framework for Political Analysis*, Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall.
- [11] W. I. Jenkins, (1978), *Policy Analysis*, London: Martin Robertson.
- [12] J. Anderson, (1994), *Public policy making*, Princeton.
- [13] Vũ Cao Đàm, (2011), *Giáo trình Khoa học chính sách*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [14] Nguyễn Minh Thuyết, (2015), *Vận động chính sách ở nước ta từ góc nhìn của một cựu đại biểu Quốc hội*, in trong cuốn “Vận động chính sách công Lý luận và thực tiễn”, Đào Trí Úc và Vũ Công Giao đồng chủ biên, NXB Lao động, Hà Nội.
- [15] Chính phủ, (2016), *Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật*, p. Điều 2, Khoản 1.
- [16] Government of Kenya, (2017), *Education for Sustainable Development Policy for the Education Sector*, p. 58.
- [17] Harman G.S., (1985), *Handling Education policy at the State level in Australia and America*, *Comp, Educ, Rev.*
- [18] UNESCO Bangkok, (2013), *UNESCO Handbook on Education Policy Analysis and Programming.*, vol. Volume 1.
- [19] CDC, (2012), *Overview of Policy Evaluation*, Cdc.
- [20] Lê Mai Chi, (2001), *Những vấn đề cơ bản về chính sách và quy trình chính sách*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- [21] Thomas J et al., (2020), *Determining the scope of the review and the questions it will address*, in Higgins JPT, Thomas J, Chandler J, Cumpston M, Li T, Page MJ, Welch VA. *Cochrane Handbook for Systematic Reviews of Interventions*. Accessed 6 May 2021 <https://training.cochrane.org/handbook/current/chapter-02>.
- [22] B. Bornemann, (2014), *Policy-Integration und Nachhaltigkeit: Integrative Politik in der Nachhaltigkeitsstrategie der Deutschen Bundesregierung*, Springer VS. <https://doi.org/10.1007/978-3-658-04901-0>.
- [23] D. Russell, (2022), *Policy integration for sustainable development governance*. In D. Russell & N. Kirsop-Taylor (Eds.), *Handbook on the governance of sustainable development*. Edward Elgar Publishing, in In D. Russell & N. Kirsop-Taylor (Eds.), *Handbook on the governance of sustainable development*, Edward Elgar Publishing.
- [24] G. M. and C. M. Cejudo, (2015), *Addressing fragmented government action: Coordination, coherence, and integration*.
- [25] ESDN, (2009), *Horizontal Policy Integration and Sustainable Development: Conceptual Remarks and Governance Examples*, ESDN Quarterly Report, ESDN.
- [26] J. Birner, B. Bornemann, and F. Biermann, (2023), *Policy integration through the Sustainable Development Goals? The case of the German Federal Government*, *Sustain. Dev.*, no. February 2023, pp. 1–13, 2024, doi: 10.1002/sd.2851.
- [27] I. Niestroy, (2015), *Governance for sustainable development: How to support the implementation of SDGs?*, in In Asia-Europe foundation (Ed.), *ASEF outlook report 2014/2015: Facts and perspectives*. <https://asef.org/images/docs/ASEF%20Outlook%20Report%202014-2015%20-%20Volume%20II.pdf#page=147>.
- [28] I. el. al. Scholz, (2016), *Promoting the Sustainable Development Goals in Germany*, *Ger. Dev. Inst.* <http://dnb.d-nb.de>.
- [29] Bruer el. al., (2019), *Integrated policymaking: Choosing an institutional design for implementing the Sustainable Development Goals (SDGs)*, (Discussion Pap. No. 14/2019). Dtsch. Inst. für Entwicklungspolitik. <https://doi.org/10.23661/dp14>.
- [30] B. el. Al., (2012), *Sustainable development and*

- subnational governments: Policy-making and multi-level interactions*, Palgrave Macmillan, <https://doi.org/10.1057/9781137005427>.
- [31] R. Steurer, (2010), *Sustainable development as a governance reform agenda: principles and challenges*, R. Steurer R. Trattning (Eds.), *Nachhalt, regieren eine Bilanz zu Governance-Prinzipien -Praktiken*, Oekom Verlag.
- [32] UNDESA, (2018), *Working together: Integration, institutions and the Sustainable Development Goals*.
- [33] C. Oberlack et al., (2019), *Theories of change in sustainability science: Understanding how change happens*, *Gaia*, vol. 28, no. 2, pp. 106–111, doi: 10.14512/gaia.28.2.8.
- [34] Stafford-Smith, et al., (2017), *Integration: The key to implementing the Sustainable Development Goals*, *Sustain, Sci.* 12(6), 911–919. <https://doi.org/10.1007/s11625-016-0383-3>.
- [35] Gregorio, et al., (2017), *Climate policy integration in the land use sector: Mitigation, adaptation and sustainable development linkages*, *Environ, Sci. Policy* 67 (2017), Elsevier Ltd 35–43.
- [36] Vargas, et al., (2019), *Implications of vertical policy integration for sustainable development implementation in higher education institutions*, *J. Clean, Prod.* 235 (2019), Elsevier Ltd 733–740.
- [37] H. Runhaar, C. Dieperink, and P. Driessen, (2006), *Policy analysis for sustainable development: The toolbox for the environmental social scientist*, *Int. J. Sustain. High. Educ.*, vol. 7, no. 1, pp. 34–56, doi: 10.1108/14676370610639236.
- [38] K. Aikens and M. McKenzie, (2021), *A comparative analysis of environment and sustainability in policy across subnational education systems*, *J. Environ, Educ.*, vol. 52, no. 2, pp. 69–82, doi: 10.1080/00958964.2021.1887685.
- [39] UNESCO, (2014), *Shaping the Future We Want UN Decade of Education for Sustainable Development, 2005-2014 Final Report*. Paris: UNESCO.
- [40] UNESCO, (2017), *Education for Sustainable Development Goals, Learning Objectives*, Paris.
- [41] MOET, (2017), *Quyết định Số: 2161/QĐ-BGDĐT Ban hành kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục và đào tạo đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030*.
- [42] Primer Minister, (2017), *Quyết định Số: 622/QĐ-TTg về việc Ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững*.
- [43] V. T. Son, (2022), *Integrating Sustainable Development into National Policy: The Practice of Vietnam*, *Glob, Chang, Sustain, Dev, Asian Emerg, Mark, Econ*, Vol. 2, no. 1, pp. 283–300, doi: 10.1007/978-3-030-81443-4\_18.
- [44] et al. Nazir, (2009), *Climate Change and Sustainable Development: The Response from Education*, *Can, Perspect, Cent, Sci, Math, Technol, Educ, Ontario Inst, Stud, Educ, Univ, Toronto, Toronto, Ontario, Canada*.

## THEORETICAL FRAMEWORK FOR EVALUATING EDUCATION POLICY FOR SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN VIETNAM

Kieu Thi Kinh<sup>\*1</sup>, Nguyen Thu Ha<sup>2</sup>,  
Le Anh Vinh<sup>3</sup>

\* Corresponding author

<sup>1</sup> Email: ktkinh@ued.udn.vn

The University of Danang - University of Science and Education  
459 Ton Duc Thang street, Da Nang City, Vietnam

<sup>2</sup> Email: hant@vnies.edu.vn

<sup>3</sup> Email: vinhla@vnies.edu.vn

The Vietnam National Institute of Educational Sciences  
101 Tran Hung Dao street, Hoan Kiem district,  
Hanoi, Vietnam

**ABSTRACT:** *This study searched online resources for papers that met the selection criteria and manually reviewed them from bibliographies using a rapid review approach. A total of over 96 studies were discovered. After excluding nonconforming studies, analysis and assessment were conducted using eight research and five theoretical frameworks on evaluating education policy for sustainable development. By analyzing and comparing global frameworks for evaluating policies on sustainable development, education for sustainable development, and environment and sustainable development, a theoretical framework for evaluating education policy for sustainable development in Vietnam is proposed as a guide for further theoretical investigations.*

**KEYWORDS:** *Theoretical framework, evaluation, policy, education for sustainable development, Vietnam.*